



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 04 tháng 02 năm 2026

Số: 22 /BC-UBND

BÁO CÁO

**Kết quả quán triệt, triển khai Chương trình hành động của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh,
nhiệm kỳ 2025-2030**

Kính gửi: Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về việc báo cáo kết quả quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030; qua kết quả rà soát tổng hợp, UBND tỉnh kính báo cáo như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động

Ngay sau khi Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030 (Chương trình hành động) được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo tham mưu, xây dựng Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 12/11/2025 về thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (Kế hoạch số 119/KH-UBND) nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đề ra những nhiệm vụ, đề án, công trình, dự án quan trọng, có tính chiến lược trong giai đoạn 2026 - 2030; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện theo đúng tinh thần “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”, làm căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Kế hoạch đã đề ra 04 nhiệm vụ chủ yếu, chi tiết trên các lĩnh vực (1) phát triển kinh tế, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường; (2) phát triển văn hoá, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; (3) xây dựng, đồng bộ, hoàn thiện thể chế; (4) quốc phòng, an ninh, đối ngoại; đồng thời phân công các nhiệm vụ, thời gian thực hiện cho từng sở, ban, ngành, địa phương và đề ra các đề án, công trình, dự án trọng điểm để triển khai.

Song song với việc xây dựng và ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể của từng đơn vị, trong đó nêu rõ từng mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện đến từng phòng, ban. Đến nay, 100% các sở, ban, ngành, địa phương đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

II. Công tác quán triệt, tuyên truyền triển khai Chương trình hành động

Ngay sau khi Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 119/KH-UBND của UBND tỉnh và kế hoạch hành động của từng cơ quan, đơn vị được ban hành, các sở, ban, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, đồng bộ, nghiêm túc, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của từng đơn vị. Việc tổ chức quán triệt được lồng ghép linh hoạt thông qua các hội nghị chuyên đề, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cơ quan, sinh hoạt đoàn thể và các hình thức tuyên truyền nội bộ, bảo đảm truyền tải đầy đủ, chính xác nội dung cốt lõi, mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình hành động.

Qua triển khai, 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được tiếp cận, nghiên cứu, học tập nội dung Chương trình hành động, Kế hoạch số 119/KH-UBND và kế hoạch hành động của cơ quan, đơn vị. Trong quá trình học tập, quán triệt, các đơn vị đã chú trọng tổ chức thảo luận, trao đổi gắn với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách; tập trung phân tích, làm rõ những quan điểm chỉ đạo mới, định hướng phát triển lớn của tỉnh trong giai đoạn 2025–2030; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong tổ chức triển khai thực hiện.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc, trách nhiệm cao, chủ động nghiên cứu tài liệu, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến hoàn thiện kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, 'củng cố quyết tâm chính trị, tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị; từng bước chuyển hóa nội dung Chương trình hành động thành chương trình công tác, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế – xã hội của ngành, địa phương.

Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh theo hướng đa dạng hóa hình thức, kết hợp tuyên truyền trực tiếp với ứng dụng nền tảng số, hệ thống thông tin nội bộ, cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, qua đó góp phần nâng cao mức độ lan tỏa, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

III. Một số kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai năm 2025

Năm 2025 là năm cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025, là năm tạo tiền đề để tỉnh vững chắc để triển khai mục tiêu đã đề ra tại Chương trình hành động, Kế hoạch số 119/KH-UBND trong năm 2026. Với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết thống nhất, quyết tâm trong hành động của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025 như sau: Có 18/21 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; 02/21 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (*Tốc độ tăng Tổng sản phẩm địa phương; Tỷ lệ che phủ rừng*); 01/21 chỉ tiêu tạm hoãn đánh giá năm 2025 (*Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã*); cụ thể như sau:

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2025 ước tăng **7,2%** so với cùng kỳ; trong đó: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,35%; công nghiệp và xây dựng tăng 11,12% (riêng công nghiệp tăng 12,62%, xây dựng tăng 7,43%); dịch vụ tăng 7,38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,15%¹.

¹ Xếp vị trí thứ 28/34 tỉnh, thành phố trên cả nước; thứ 03/6 tỉnh, thành phố vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây

2. Các khu vực kinh tế chủ yếu duy trì đà tăng trưởng và phát triển khá.

a) Hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển ổn định. Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ triển khai hiệu quả, mang lại kết quả tích cực². Tỉnh đã và đang triển khai một số mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi khép kín, đem lại thu nhập khá cho người dân. Toàn tỉnh hiện có 47/110 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 42,7%); 03/47 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 6,4%); có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP. Công tác chỉ đạo thực hiện các giải pháp cấp bách về chống khai thác IUU đảm bảo theo quy định.

b) Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9%. Toàn tỉnh có 100 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn trên 12.300 tỷ đồng đi vào hoạt động, đóng góp cho tăng trưởng của tỉnh. Đặc biệt, tỉnh đã đồng loạt khởi công, khánh thành nhiều dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa chiến lược, chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I. Đồng thời, tỉnh tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư - thương mại, trao quyết định chứng nhận đầu tư và ký kết MOU³ với các nhà đầu tư chiến lược nhằm triển khai nhiều dự án lớn, quan trọng. Bên cạnh, toàn tỉnh thu hút khoảng 190 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 160.000 tỷ đồng; có 3.000 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký khoảng 27.000 tỷ đồng, tăng 38,25% về số doanh nghiệp và tăng 38,46% về vốn đăng ký so với cùng kỳ.

c) Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 13,1%. Kim ngạch xuất khẩu đạt 3.447,5 triệu USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ và vượt 19,7% kế hoạch năm. Du lịch Gia Lai ngày càng sôi động với nhiều chương trình, sự kiện lớn, hấp dẫn thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Tổng lượng khách du lịch đến tỉnh đạt khoảng 12,4 triệu lượt, tăng 17,6% so với cùng kỳ; tổng thu từ du lịch ước đạt 29 nghìn tỷ đồng, tăng 9,89%.

d) Thu ngân sách là điểm sáng trong bức tranh kinh tế của tỉnh, với tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 28.465,4 tỷ đồng, đạt 118,1% dự toán HĐND tỉnh giao, vượt 24,1% so với cùng kỳ. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 28/01/2026 là 16.126,4 tỷ đồng, đạt 102,67% so với Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 84,66% so với Kế hoạch HĐND tỉnh giao; tỷ lệ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia đạt giải ngân 1.017,828 tỷ đồng, đạt 70,16%⁴.

e) Các hoạt động văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế luôn được tỉnh quan tâm đầu tư; cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thụ hưởng của Nhân dân.

- Giáo dục – đào tạo: Chất lượng giáo dục ngày càng cải thiện; hoạt động chuyển đổi số và phát triển giáo dục STEM tiếp tục được đẩy mạnh; triển khai xây dựng các trường nội trú liên cấp tại 7 xã biên giới đất liền theo Kết luận số 81 ngày 18/7/2025 của

Nguyên

² Đã thực hiện chuyển đổi 13.345 ha kém hiệu quả để chuyển sang các cây trồng khác.

³ Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh; đã trao Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Biên bản ghi nhớ (MOU) đối với 69 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 4,6 tỷ Đô la Mỹ.

⁴ Trong đó, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có tỷ lệ giải ngân đạt 92,3%; Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN có tỷ lệ giải ngân đạt 64,8% và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững có tỷ lệ giải ngân đạt 41,7%.

Bộ Chính trị.

- Y tế - an sinh xã hội: Công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch, bảo đảm an toàn thực phẩm được triển khai nghiêm túc; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Toàn tỉnh đã hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, vượt tiến độ kế hoạch Trung ương giao. Tỉnh tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 72 của Bộ Chính trị về giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Khoa học – công nghệ – chuyển đổi số: Tỉnh đang triển khai quyết liệt Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

g) Quốc phòng – an ninh, cải cách hành chính: Quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Tổ chức bộ máy chính quyền hai cấp bước đầu vận hành ổn định, thông suốt, bảo đảm kịp thời, hiệu quả trong phục vụ người dân và doanh nghiệp. Công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực; hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp từng bước được nâng cao. Đặc biệt, tỉnh quan tâm củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công 2 cấp, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân, nâng cao sự hài lòng của Nhân dân và doanh nghiệp.

IV. Một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai Chương trình hành động, Kế hoạch số 119/KH-UBND trong năm 2026

1. Về quan điểm, định hướng chỉ đạo điều hành

- Tập trung đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành chuyển đổi từ nền hành chính “quản lý, kiểm soát” sang nền hành chính “phục vụ và đổi mới sáng tạo”, phát huy mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển bền vững, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; xử lý công việc phải bám sát thực tiễn, bài bản, hiệu quả; phải có sản phẩm, kết quả cụ thể có thể đánh giá. Tinh thần làm việc “*thần tốc*”, “*không bàn lùi, chỉ bàn làm*”, “*ngĩ lớn, làm lớn*” dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; áp dụng nghiêm nguyên tắc “*6 rõ: rõ người làm – rõ việc – rõ thời hạn – rõ trách nhiệm – rõ kết quả – rõ thẩm quyền*” trong điều hành, xử lý công việc tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương vì mục tiêu phát triển chung của tỉnh nhà.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu cao tinh thần làm gương, trách nhiệm; không né tránh, đùn đẩy, không làm đúng, làm đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng đạo đức công vụ và văn hóa công sở.

- Cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính quyền phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất đạo đức, tác phong chuẩn mực, hành xử đúng mực với nhân dân, doanh nghiệp; giải quyết công việc đến nơi đến chốn, không đùn đẩy, né tránh. Toàn bộ hệ thống chính quyền duy trì tinh thần đoàn kết – kỷ cương – hiệu quả, hành động thống nhất vì mục tiêu chung, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá cán bộ.

- Tập trung xây dựng bộ máy chính quyền mạnh, sâu sát cơ sở; xây dựng quan hệ mật thiết giữa chính quyền và người dân, kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người dân; tăng cường đối thoại, vận động, thuyết phục, hạn chế

các biện pháp hành chính trong giải quyết các vụ việc phát sinh trong nhân dân.

- Tập trung chỉ đạo cụ thể hóa, triển khai thực hiện kịp thời, chất lượng các Nghị quyết trọng tâm của Bộ Chính trị và các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội

- Trong năm 2026, trên cơ sở kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và dự địa tăng trưởng của các ngành, UBND tỉnh xây dựng 19 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu, trong đó phân đầu tốc độ tăng GRDP đạt từ **10% trở lên** (mục tiêu này *cao hơn mục tiêu đề ra tại Chương trình hành động, Kế hoạch số 119/KH-UBND – 8,8-9,4%*), cụ thể một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026 với mục tiêu tăng trưởng GRDP từ 10% trở lên							
			Cả năm	Phân kỳ:						
				Quý I	Quý II	6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Quý III	9 tháng	Quý IV
1	2	3	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Tốc độ tăng GRDP	%	10,2	10,0	10,1	10,1	10,4	10,3	10,1	10,5
	- Nông, lâm, thủy sản	%	4,0	2,0	4,6	3,5	4,3	3,7	3,6	5,0
	- Công nghiệp và xây dựng	%	15,0	13,4	16,0	14,7	15,2	14,3	14,6	16,2
	+ Công nghiệp	%	15,0	11,4	15,1	13,2	16,6	15,9	14,2	16,2
	+ Xây dựng	%	15,0	21,6	18,0	19,4	12,2	10,2	15,7	16,1
	- Dịch vụ	%	11,0	11,2	11,3	11,3	10,7	10,8	11,1	10,7
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,0	7,4	8,8	8,1	6,2	7,1	7,6	5,2
	- GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	101,5							
2	Chỉ số sản xuất CN (IIP)	%	10,7	10,4	10,4	10,5	11,8	10,1	10,3	11,9
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3.500	1.190	945	2.135	1.365	595	2.730	770
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	32.297	7.274	8.182	15.456	16.841	8.264	23.720	8.577
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	31.508	7.082	7.979	15.061	16.447	8.062	23.123	8.385
	- Thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	506	121	131	252	254	128	380	126
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	220.000	61.600	50.600	112.200	107.800	50.600	162.800	57.200
6	Tổng lượng khách du lịch	Triệu lượt khách	15	4,1	4,5	8,6	6,4	4,4	13	2
7	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	35.000	8.700	10.300	19.000	16.000	10.200	29.200	5.800

- Trên cơ sở các chỉ tiêu chủ yếu đã được xác định, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, phân giao cụ thể chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho từng sở, ban, ngành và 100% UBND các xã, phường gắn với nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch chung cấp xã và tiềm năng dư địa, điều kiện thực tiễn; đồng thời, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương cụ thể hóa thành mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm chi tiết từng tháng, quý, kế hoạch trung hạn và các chương trình, đề án, dự án trọng tâm để tổ chức triển khai thực hiện. Quá trình phân giao bảo đảm nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ lộ trình thực hiện và rõ kết quả đầu ra; tăng cường gắn kết giữa chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Cùng với đó, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị quán triệt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và các hội nghị chuyên đề theo từng lĩnh vực, ngành, địa bàn nhằm định hướng cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, điều hành trong từng tháng, quý. Thông qua các hội nghị, các sở, ban, ngành, địa phương đã tập trung đánh giá sát thực trạng, xác định rõ dư địa tăng trưởng, tiềm năng, lợi thế so sánh; đồng thời cụ thể hóa các định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng địa phương, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi trong tổ chức thực hiện.

- UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra cụ thể việc ban hành và triển khai thực hiện Phương án tăng trưởng và Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 đối với từng địa phương trong tháng 02/2026; tập trung đánh giá tiến độ, chất lượng xây dựng phương án, mức độ bám sát chỉ tiêu được giao, tính khả thi của các giải pháp tổ chức thực hiện. Qua kiểm tra, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời chấn chỉnh, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện đối với các nội dung chưa bảo đảm yêu cầu, qua đó nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trên các ngành, lĩnh vực chủ yếu

3.1. Về sản xuất nông, lâm, thủy sản và quản lý tài nguyên, môi trường

- Phát triển nông nghiệp nhanh, bền vững, hiệu quả, trách nhiệm theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

- Về trồng trọt: Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất trồng lúa, mía, sắn, điều, ... kém hiệu quả sang phát triển diện tích rau, đậu đỗ các loại, cây ăn quả, cây dược liệu và các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường ở những chân đất thích hợp và dành một

phần quỹ đất để phát triển các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu đạt chuẩn, sản xuất theo hợp đồng gắn với thị trường tiêu thụ – xuất khẩu. Tăng cường liên kết vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến; chuẩn hóa an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; đưa giống mới năng suất cao, chống chịu tốt vào sản xuất; mở rộng ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, tưới tiết kiệm, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- *Về chăn nuôi*: Đẩy mạnh chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi sạch, thân thiện môi trường, gắn với chế biến gia súc – gia cầm; thúc đẩy hình thành vùng nguyên liệu chăn nuôi ổn định. Đôn đốc các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; tăng cường thu hút dự án mới. Phát triển liên kết doanh nghiệp – hợp tác xã – hộ chăn nuôi; mở rộng mô hình chăn nuôi gia công; nâng cao chất lượng giống; triển khai đầy đủ chính sách giết mổ tập trung, phát triển bò thịt chất lượng cao, chăn nuôi công nghệ cao, vaccin phòng bệnh...

- *Về lâm nghiệp*: Triển khai hiệu quả kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2026; tăng cường phòng chống cháy rừng, phá rừng, vận chuyển lâm sản trái phép. Đôn đốc giao rừng, cho thuê rừng; mở rộng trồng rừng gỗ lớn; sử dụng giống nuôi cấy mô, giống lâm nghiệp chất lượng cao. Thu hút doanh nghiệp liên kết trồng rừng – chế biến; xây dựng vùng nguyên liệu ổn định; triển khai Đề án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng trồng.

- *Về thủy sản*: Triển khai nghiêm Luật Thủy sản 2017; chống khai thác IUU; thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân; phát triển mô hình cộng đồng bảo vệ nguồn lợi; áp dụng kỹ thuật bảo quản, nâng cao chất lượng sản phẩm; phát triển chuỗi giá trị khai thác – thu mua – chế biến – tiêu thụ. Đầu tư nâng cấp Cảng cá, khu neo đậu Tam Quan; phát triển hậu cần nghề cá; nạo vét luồng lạch; xây dựng đội tàu dịch vụ; xúc tiến đầu tư Khu Nông nghiệp CNC tôm An Lương; tạo điều kiện để doanh nghiệp đẩy mạnh nuôi tôm CNC.

- Ưu tiên phát triển hệ thống thủy lợi trên khu vực Gia Lai Tây nhằm khắc phục tình trạng thiếu nước tưới và mở rộng vùng sản xuất cây công nghiệp; đồng thời, phát triển mạng lưới giao thông nông thôn kết nối các khu vực.

- Triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; tuyên truyền, thống nhất nhận thức trong hệ thống chính trị. Tập trung phát triển hạ tầng nông thôn kết nối đô thị; ưu tiên đầu tư xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giữ gìn văn hóa truyền thống; rút ngắn chênh lệch vùng miền.

- Cấp nước sạch nông thôn: Kiểm tra, nâng cấp công trình cấp nước tập trung; hiện đại hóa nhà máy cấp nước; mở rộng mạng lưới đường ống và đầu nối hộ dân; lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước sạch. Rà soát hồ sơ quản lý tài sản hạ tầng cấp nước; đề xuất cơ chế bù giá nước sạch nông thôn để phát triển thị trường cấp nước.

- Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường quản lý, giao đất, cho thuê đất theo quy định; cải cách thủ tục hành chính đất đai; đẩy nhanh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xử lý nghiêm vi phạm đất đai, khai thác khoáng sản trái phép. Triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý môi trường, đặc biệt thu

gom – vận chuyển – xử lý chất thải rắn; đẩy nhanh tiến độ các dự án xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai.

3.2. Về sản xuất công nghiệp, xây dựng

Chủ động nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để doanh nghiệp bảo đảm an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi các nhà máy đang hoạt động, các dự án mới hoàn thành đi vào hoạt động trong năm 2025 và các đang triển khai đầu tư xây dựng dự kiến đưa vào hoạt động sản xuất trong năm 2026 phát huy giá trị sản xuất hiện có, tạo ra giá trị sản xuất gia tăng mới đối với một số sản phẩm công nghiệp chủ lực.

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bức phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Ngành chế biến, chế tạo trở thành trụ đỡ của nền kinh tế; công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những lĩnh vực đột phá, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp số của vùng. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; nâng cao tỷ lệ lấp đầy trong các khu kinh tế, khu công nghiệp hiện hữu. Đôn đốc, triển khai đầu tư một số khu công nghiệp trọng điểm,...

Thực hiện có hiệu kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh trong năm 2026, nâng cao chất lượng công tác khảo sát, xây dựng đề án và kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thực hiện đề án khuyến công đảm bảo chất lượng và tiến độ.

Về phát triển năng lượng: Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục để đảm bảo tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm đã được phê duyệt trong Quy hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng điện an toàn nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng năng lượng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và an toàn cháy nổ do sử dụng điện gây ra. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh để đảm bảo các công trình thủy điện vận hành an toàn, ổn định.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai (mới) thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường công tác quản lý đô thị, trật tự và chất lượng xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa xây dựng các khu đô thị mới, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh gắn với xây dựng hạ tầng đô thị thông minh, hiện đại, đô thị kiểu mẫu. Kiểm tra, rà soát, xử lý đối với chung cư, nhà ở cũ do nhà nước quản lý, đặc biệt là các nhà ở, công trình đã xuống cấp, hư hỏng, không đảm bảo an toàn sử dụng, đề xuất phương án cải tạo, sửa chữa, xử lý, sắp xếp theo quy định.

Về phát triển nhà ở xã hội: Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội, tạo thuận lợi tối đa cho người dân được mua nhà ở xã hội và tiếp cận vốn vay.

Tập trung khảo sát, nghiên cứu đề xuất đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông kết

nổi giữa 02 khu vực Gia Lai Đông và Gia Lai Tây để tạo dư địa không gian phát triển mới và đầu tư hạ tầng các công trình thủy lợi quy mô lớn trên khu vực tỉnh Gia Lai Tây nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

3.3. Về thương mại, dịch vụ, du lịch

- Tiếp tục triển khai các biện pháp thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; thúc đẩy hoạt động xuất khẩu; phát triển thị trường trong nước, để tiêu thụ hàng hóa, nông sản cho người dân. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng phát triển thị trường cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kết nối thị trường tìm đầu ra cho các mặt hàng nông sản của tỉnh thông qua các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh, xúc tiến thương mại quốc gia. Duy trì và phát huy hiệu quả sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh, thúc đẩy phát triển loại hình thương mại điện tử; Đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa thông qua Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động thương mại, phân phối, bán buôn và bán lẻ. Thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, gia tăng thị phần phân phối hàng hóa và đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới các siêu thị bán buôn và bán lẻ, các trung tâm thương mại, trung tâm phân phối, sàn giao dịch, chợ đầu mối, chợ dân sinh, cửa hàng tiện lợi... Đa dạng hóa các phương thức phân phối, phát triển nhanh thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến; từng bước hoàn thiện môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích thương nhân sử dụng website thương mại điện tử để cung ứng hàng hóa, dịch vụ. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng phát triển thị trường cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại tại thị trường nước ngoài để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường mới cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Đặc biệt chú trọng các thị trường là thành viên của các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan đến các FTA thế hệ mới, tạo điều kiện để doanh nghiệp nắm bắt các quy định, tiêu chuẩn, cơ hội và ưu đãi thuế quan, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong thương mại, hình thành các kênh phân phối hàng hóa qua thương mại điện tử xuyên biên giới, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận phương thức xuất khẩu hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm-pa; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng các tuyến du lịch kết nối Đông - Tây, tạo chuỗi dịch vụ du lịch khép kín; xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với hệ thống hạ tầng, dịch vụ hiện đại, chất lượng cao. Tăng cường hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong và ngoài nước, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng các loại hình và sản phẩm du lịch. Tập trung triển khai các nội dung ký kết với các Hãng hàng không và các doanh nghiệp du lịch đã ký kết. Đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, giám sát đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm hoàn thành các khu du lịch nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp trên địa bàn tỉnh đi vào hoạt động. Tiếp tục nâng cao chất

lượng và hiệu quả hoạt động các ngành dịch vụ bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải... để phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Về tài chính, ngân sách

Tiếp tục xây dựng kế hoạch, theo dõi, đôn đốc thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo từng tháng, quý; kịp thời điều chỉnh kịch bản thu chi NSNN cho phù hợp với tình hình thực tế. Tăng cường chỉ đạo điều hành dự toán ngân sách năm 2026 bằng các biện pháp khai thác tốt các nguồn thu, kích thích tạo nguồn thu mới; đẩy mạnh kiểm soát, chống thất thu thuế; tăng thu ngân sách, nhất là thu nội địa để đảm bảo nhu cầu chi theo kế hoạch; xử lý kiên quyết các trường hợp tồn đọng thuế, nợ thuế. Thực hành tiết kiệm chi ngân sách; chống lãng phí trong sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi hành chính và các lĩnh vực khác. Khuyến khích đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ công cho các đơn vị sự nghiệp có thu.

Tập trung rà soát, đề xuất tháo gỡ các vướng mắc về các vấn đề liên quan đến giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo các quy định mới của Trung ương.

Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp thụ hưởng tối đa các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn do Quốc hội, Chính phủ ban hành; qua đó góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững từ phát sinh kinh tế của tỉnh.

Tích cực nắm bắt tình hình, làm việc với các doanh nghiệp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến vấn đề vốn, lãi suất ngân hàng... phục vụ sản xuất. Tăng cường thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả, chú trọng tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; có giải pháp xử lý nợ xấu và hạn chế nợ xấu phát sinh nhằm duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn.

3.5. Về đầu tư phát triển

Tập trung thu hút đầu tư, nhất là dự án có quy mô lớn, công nghệ cao trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp công nghệ,... Chú trọng giải quyết vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục đất đai, xây dựng... để đẩy nhanh triển khai dự án; theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm. Huy động mọi nguồn vốn nhằm đáp ứng yêu cầu chi đầu tư; đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương và Chính phủ nhằm tăng nguồn cho đầu tư các công trình trọng điểm trên địa bàn. Triển khai quyết liệt các dự án, công trình trọng điểm, như: Đầu tư xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku; Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đi qua tỉnh; các công trình, dự án trọng điểm khác như Đường Nguyễn Văn Linh, các dự án năng lượng tái tạo, Cảng Phù Mỹ, Khu công nghiệp Phù Mỹ, các khu, cụm công nghiệp;...

Tập trung rà soát, ưu tiên đầu tư phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các tuyến giao thông kết nối liên vùng, hệ thống thủy lợi, hạ tầng y tế, giáo dục. Đẩy nhanh tiến độ các dự án đã có chủ trương, sẵn sàng điều kiện để khởi công các công trình động lực, tạo sức lan tỏa. Rà soát lại hiện trạng hạ tầng trên toàn tỉnh, xác định rõ điểm nghẽn để có phương án đầu tư tập trung, trọng điểm, không dàn trải. Tập trung đẩy mạnh thực hiện giải ngân vốn

đầu tư công; theo dõi, đôn đốc tiến độ chuẩn bị đầu tư, đấu thầu, giải phóng mặt bằng và tiến độ thi công xây dựng hoàn thành một số công trình, dự án trọng điểm của tỉnh về giao thông, thủy lợi, y tế, văn hóa... Triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030.

Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư phải tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tiến độ và chất lượng các dự án xây dựng đã phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý. Tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong các khâu thẩm định, phê duyệt dự án; giao đất và bồi thường GPMB để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Kiên quyết thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án mà chủ đầu tư không đủ năng lực tài chính, triển khai không đúng tiến độ đã cam kết hoặc vi phạm pháp luật.

3.6. Về văn hóa - xã hội

Tiếp tục tập trung thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó trọng tâm là đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tích cực chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Chương trình GDPT 2018. Xây dựng “Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030”, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn địa phương. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông, tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, phát huy hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, y tế dự phòng, dân số, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo đảm cung ứng đủ và kịp thời thuốc, hóa chất, vật tư y tế,... phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh. Tăng cường tiếp nhận các kỹ thuật mới, chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên chuyển giao về tỉnh; đẩy mạnh hoạt động chỉ đạo tuyến. Mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động tư vấn, hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh từ xa. Không ngừng nâng cao sự tiếp cận của người dân với các dịch vụ y tế nhất là tại tuyến cơ sở. Tăng cường chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phát triển y tế chuyên sâu đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của người dân. Tiếp tục kiện toàn tổ chức mạng lưới y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Thực hiện tốt y đức và kỷ cương công vụ, văn hoá công sở của công chức, viên chức, người lao động. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính và chuyển đổi số y tế.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện thúc đẩy y tế tư nhân phát triển theo quy định của pháp luật. Tăng cường phối hợp y tế công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế. Quan tâm chú trọng thực hiện đầu tư, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh gắn với thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với y tế cơ sở. Thực hiện tốt việc lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử công dân.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và dịch vụ văn hóa. Đẩy mạnh phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu; phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao.

Tăng cường công tác quản lý báo chí và các hoạt động xuất bản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, định hướng nội dung công tác thông tin, tuyên truyền trên địa bàn tỉnh; rà soát, kịp thời xử lý các thông tin giả, tin xấu, độc trên các trang mạng xã hội.

3.7. Về công tác ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phong trào Bình dân học vụ số. Tập trung triển khai danh mục nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

Tổ chức triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành, địa phương, nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định, xử lý công việc nhanh, chính xác, tăng năng suất và minh bạch trong hoạt động hành chính.

Xây dựng Khu công nghệ số tập trung của tỉnh; thu hút đầu tư, triển khai các dự án trọng điểm như Khu Công viên Phần mềm Quang Trung - Bình Định, Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo và đô thị phụ trợ do Tập đoàn FPT thực hiện..., nhằm tạo dựng nền móng vững chắc cho ngành công nghiệp công nghệ cao.

3.8. Về an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; chú trọng đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm; các chương trình, đề án xóa đói, giảm nghèo. Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách đối với người có công với nước, chính sách đối với hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số; kịp thời giúp đỡ, cứu trợ các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và cứu tế xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em.

3.9. Về xây dựng chính quyền

Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp; xây dựng bộ máy chính quyền mạnh, sâu sát cơ sở; xây dựng quan hệ mật thiết giữa chính quyền và người dân, kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người dân.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo cơ chế “địa phương quyết - địa phương làm - địa phương chịu trách nhiệm” song song với kiểm soát, đánh giá hiệu quả.

Tập trung triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức thuộc tỉnh Gia Lai; đồng thời, hoàn thành phương án theo dõi đánh giá chỉ tiêu kế hoạch KPI đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và từng cán bộ, công chức.

Triển khai tốt công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thực chất, hiệu quả; nâng cao đạo đức công vụ, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tiếp tục triển khai giải pháp nâng cao các chỉ

số cạnh tranh cấp tỉnh, giữ vững vị trí xếp hạng chỉ số “phục vụ người dân, doanh nghiệp”. Thực hiện đồng bộ, nhiều giải pháp để nâng cao kết quả các Chỉ số PAPI, PCI, PAR Index và SIPAS của tỉnh.

Chỉ đạo kiên quyết, có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tập trung giải quyết kịp thời, đúng chính sách, pháp luật các vụ khiếu nại, tố cáo của công dân, không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ theo Đề án 06 của Chính phủ.

3.10. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch về quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới; duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống xảy ra. Tập trung phòng ngừa, đấu tranh hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đêga”, tà đạo “Hà Môn”, vượt biên. Nắm chắc tình hình, tăng cường tuần tra, kiểm soát biên giới, chống xâm nhập, móc nối, vượt biên, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ quốc gia. Tăng cường các biện pháp bảo vệ chính trị nội bộ, ngăn chặn mọi tác động “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và làm tốt công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ an ninh mạng, an ninh kinh tế. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn. Tăng cường chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai kế hoạch bảo vệ các ngày lễ lớn của đất nước và tỉnh. Tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống cháy, nổ, kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông; đẩy mạnh tấn công, trấn áp tội phạm.

Trên đây là báo cáo kết quả quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030; UBND tỉnh kính báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, tổng hợp./

Nơi nhận:

- CT, PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Tài chính;
- VP ĐU UBND tỉnh (để tổng hợp);
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, T3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh